DANH SÁCH

Gọi công dân nhập ngũ năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-UBND của UBND thành phố Bắc Giang ngày tháng 01 năm 2024)

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I	**Phường Đa Mai (07)**							
1	Cao Xuân Hiệp 24/9/2005	Tự do	Tân Thành, Đa Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Cao Xuân Tuấn 1977 Phí Thị Hường 1986	L3: TMH, Thể lực	
2	Nguyễn Văn Long 15/3/2005	Tự do	Tân Thành, Đa Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Mạnh 1975 Hoàng Thị Lan 1985	L2: Mạch	
3	Thân Lê Tuấn Vũ 13/6/2005	Tự do	Tân Mai, Đa Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Thân Văn Thiện 1966 Lê Thị Ước 1969	L2: Mạch Răng	
4	Nguyễn Mạnh Tiến 26/3/2004	Tự do	Tân Mai, Đa Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Hồng Bắc 1970 Nguyễn Thị Ngoãn 1983	L2: H. áp	
5	Thân Quốc Trọng 26/6/2002	Tự do	Hòa Sơn, Đa Mai	Kinh Không	CĐ Đoàn viên	Thân Văn Thắng 1972 Nguyễn Thị Thủy 1975	L2: H. áp	
6	Đoàn Mạnh Hùng 01/01/2001	Tự do	Mai Đình, Đa Mai	Kinh Không	ĐH Đoàn viên	Đoàn Văn Hồng 1975 Phạm Thị Thế 1977	L2: H.áp, TMH, RHM	
7	Nguyễn Minh Gia Bảo 26/7/2004	Tự do	Mai Đình, Đa Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Liên 1974 Nguyễn Thị Phương 1979	L3: cận 1,25D, TMH	
II	**Phường Mỹ Độ (4)**							
8	Hoàng Đình Thịnh 17/08/2005	LĐTD	Sn 07, ngõ 149, tổ dân phố số 1, Mỹ Độ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Hoàng Đình Khoa Ngô Thị Chín	L2: MP cận 0,75D	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
9	Trương Việt Hoàng 19/11/2005	LĐTD	Sn 17, ngõ 277, tổ dân phố số 1, Mỹ Độ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Trương Tiến Giang Trần Thị Bẩy	L3: Thể lực	
10	Hoàng Thái Anh 20/01/2003	Buôn bán	SN 345, Tổ dân phố số 1, Mỹ Độ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Hoàng Văn Thêm Đỗ Thị Kim Yến	L3: Thể lực	
11	Phan Ngọc Quang 02/5/1999	LĐTD	Ngõ 69, TDP số 4, Mỹ Độ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Phan Văn Hải Dương Thị Chúc	L2: Thể lực, H.áp	
III	**Xã Đồng Sơn (6)**							
12	Nguyễn Văn Minh 01/01/2003	LĐTD	Đồng Sau, Đồng Sơn Đồng Sau, Đồng Sơn	KinhKhôn g	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn LưỡngLương Thị Huệ	L2: Răng, thể lực, H.áp	
13	Thân Văn Ngọc 01/02/2002	LĐTD	Thôn Chùa, Đồng Sơn Thôn Chùa, Đồng Sơn	Kinh Không	12/12 Đoàn	Thân Văn Bích Tạ Thị Nguyệt	L2: Cận 0,5D	
14	Nguyễn Huy Hùng 30/6/2005	LĐTD	Thôn Chùa, Đồng Sơn Thôn Chùa, Đồng Sơn	Kinh Không	9/12	Nguyễn Văn Tân Nguyễn Thị Thảo	L2: Răng, H.áp	
15	Nguyễn Duy Nam 30/10/2002	LĐTD	Tân Mỹ, Đồng Sơn Tân Mỹ, Đồng Sơn	Kinh Không	12/12 Đoàn	Nguyễn Văn Lộc Đinh Thị Hiền	L2: MP cận 1,25D	
16	Hoàng Đình Thu 31/3/2004	LĐTD	Tân Mỹ, Đồng Sơn Tân Mỹ, Đồng Sơn	Kinh Không	9/12 Đoàn	Hoàng Văn Thà Nguyễn Thị Minh	L2: H.áp	
17	Nguyễn Quốc Triệu 22/9/2005	LĐTD	Tân Mỹ, Đồng Sơn Tân Mỹ, Đồng Sơn	Kinh Không	12/12	Nguyễn Đức Đủ 1975 Trịnh Thị Thành 1975	L2: Răng, H.áp	
IV	**Xã Song Khê (10)**							
18	Ninh Văn Bảo 06/9/2004	LĐTD	Song Khê 1, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Ninh Thị Hòa 1983	L2: H.áp	TN
19	Đào Văn Nguyên 15/8/2002	LĐTD	Song Khê 2, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Lý Thị Thảo 1974	L3: R, M cận 1D	TN

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
20	**Đào Hữu Quản** **14/10/2004**	LĐTD	Song Khê 2, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đào Hữu Mạnh 1976 Đào Thị Hoàn 1977	L1	2 anh em đạt sức khỏe
21	Lý Đức Trọng 26/9/2004	LĐTD	Song Khê 2, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Lý Đình Thủy 1980 Khổng Thị Hảo 1984	L2: H.áp	
22	Trần Huy Hoàng 16/01/2002	LĐTD	Yên Khê, Song Khê	Kinh Không	CĐ Đoàn viên	Trần Văn Tựa 1966 Trịnh Thị Tuyển 1968	L2: Cận 0,75D	
23	Đào Văn Trung 02/10/2005	LĐTD	Song Khê 1, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đào Văn Quang 1979 Nguyễn Thị Yên 1983	L2: H.áp	
24	Nguyễn Khắc Hiển 03/12/2005	LĐTD	Song Khê 1, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Khắc Hậu 1979 Nguyễn Thị Hà 1981	L2: H.áp	
25	Đào Văn Luân 29/11/2005	LĐTD	Song Khê 1, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đào Văn Duy 1981 Ninh Thị Ngân 1984	L2: H.áp	
26	Nguyễn Tuấn Hưng 05/5/2005	LĐTD	Song Khê 2, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Giang 1981 Nguyễn Thị Vững 1983	L1	
27	**Đào Hữu Trị** **19/3/2006**	LĐTD	Song Khê 2, Song Khê	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đào Hữu Mạnh 1976 Đào Thị Hoàn 1977	L1	2 anh em XPTN
V	**P. Thọ Xương (11)**							
28	Đặng Xuân Thành 16/7/2005	LĐTD	Hà Vị 2, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đặng Văn Biên Nguyễn Thị Hoa	L2: H.áp	
29	Nguyễn Hoàng Phúc 04/7/2004	LĐTD	TDP số 4, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Hoàng Long Nguyễn T Bích Phượng	L2: Cận 1D	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
30	Nguyễn Duy Khương 22/9/2005	LĐTD	CN 1, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Quốc Khánh 1984 Nguyễn Thị Thư 1984	L3: Cận thị 1,25D, TMH	
31	Nguyễn Khắc Huy 21/01/2006	LĐTD	TDP Tiền, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Khắc phụng Nguyễn Thị Hợi	L2: Răng, H.áp	
32	Nguyễn Mạnh Chiến 14/03/2002	CN điện tử	TDP Hậu, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Thắng 1974 Dương Thị Hưng	L2: Cận 0,5D, Răng, H.áp	
33	Nguyễn Văn Kiên 4/02/2003	LĐTD	CN 1, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Linh 1963 Dương Thị Giới 1971	L1	
34	Lương Minh Quang 07/12/2003	LĐTD	Tổ 8, Thọ Xương	Kinh Không	11/12 Đoàn viên	Lương Văn Bình 1963 Nguyễn T Ngọc Lan 1970	L3: Thể lực (V ngực), cận 0,5D	
35	Ng. Trần Ngọc Dương 19/03/2005	LĐTD	Hà Vị 1, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Trần Ngọc Giao 1962 Nguyễn Thị Thi	L3: Ngoại	
36	Nguyễn Bá An 03/02/2004	LĐTD	Tổ 3, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Bá Toản 1975 Phan Thị Hòa 1977	L1	
37	Nguyễn Viết Cường 27/9/2003	LĐTD	Hòa Yên, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Quang 1978 Đỗ Thị Hường 1981	L2: Thể lực, Răng, H.áp	
38	Lương Văn Tiến 01/8/2005	LĐTD	Tổ 6, Thọ Xương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Lương Văn Nam 1964 (chết) Nguyễn Thị Thắm 1971	L2	
VI	**P. Xương Giang (12)**							

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
39	Nguyễn Văn Phúc 29/01/2005	LĐTD	Thành ngang, Xương giang	Nông dân K, K	11/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Phắc Nguyễn Thị Lợi	L2: H.áp, mạch	
40	**Nguyễn Văn Nguyên** **14/11/2002**	LĐTD	Thành Ngang, Xương Giang	Nông dân K, K	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Tài Nguyễn Thị Thanh	L2: H.áp, mạch	2 anh em đạt sức khỏe
41	**Nguyễn Văn Phong** **11/01/2005**	LĐTD	Thành Ngang, Xương Giang	Nông dân K, K	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Tài Nguyễn Thị Thanh	L2: H.áp, mạch	2 anh em đạt sức khỏe
42	Ngô Đức Hùng 29/11/2002	LĐTD	Thành Bắc, Xương Giang	Nông dân K, K	12/12 Đoàn viên	Ngô Duy Hưng Lê Thị Thơm	L2: H.áp	
43	Phạm Minh Tuấn 22/11/2005	LĐTD	Đông Giang, Xương Giang	Nông dân K, K	11/12 Đoàn viên	Phạm Văn Đạt	L3: Thể lực(xăm)	
44	Nguyễn Duy Quang 06/10/2005	LĐTD	Sơn Tý, Xương Giang	Nông dân K, K	11/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Được Hoàng Thị Cảnh	L2: Mắt, H.áp	
45	Đặng Trần Trung 25/07/2005	LĐTD	Thành Dinh, Xương Giang	Nông dân K, K	11/12 Đoàn viên	Đặng Trần Thành Ngô Thị Hạ	L2: H.áp	
46	Đỗ Văn Mười 25/04/2005	LĐTD	Thành Dinh, Xương Giang	Nông dân K, K	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Mạnh Nguyễn Thị Miên	L2: H.áp, mạch, răng	
47	Nguyễn Minh Quang 20/9/2003	LĐTD	Thành Non, Xương Giang	Nông dân K, K	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Thường Hà Thị Gấm	L2: H.áp, mạch	
48	Bùi Vũ Quốc Cường 29/10/2003	LĐTD	Nam Giang 1, Xương Giang	Nông dân K, K	11/12 Đoàn viên	Bùi Văn Toàn Vũ Thị Đào	L1: Đang học cấp 3 (TTGDTX)	
49	Nguyễn Quang Thắng 18/08/2005	LĐTD	Nam Giang 2, Xương Giang	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Việt Hùng Nguyễn Thị Quyên	L2: Thể lực, H.áp, răng	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
50	Đoàn Văn Thái 12/4/2004	LĐTD	Sơn Tý, Xương Giang	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đoàn Xuân Thủy 1976 Đỗ Thị Thúy 1979	L2: Thể lực	
VII	**Xã Song Mai (15)**							
51	Nguyễn Việt Hoàng 01/6/2005	Tự do	Phúc Hạ, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Nguyễn Văn Quang Đỗ Thị Hường	L2: Mạch, H.áp	
52	Từ Công Nam 03/6/2001	CĐ	Phúc Hạ, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Từ Công Tài Nguyễn Thị Mai Anh	L3: TMH, cận 0,75D	
53	Thân Đức Thịnh 26/3/2001	CĐ	Phúc Thượng, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Thân Văn Chính Thân Thị Hương	L2: Thể lực, H.áp	
54	Nguyễn Tiến Dũng 27/7/2005	Tự do	Phú Giã, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Nguyễn Hải Đăng Nguyễn Thị Quỳnh Nha	L2: Mạch, H.áp	
55	Thân Ngọc Thực 04/03/2002	CĐ	Nhân Lễ, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Thân Văn Thao Nguyễn Thị Nhung	L2: MP cận 1D	
56	Lê Sơn Hà 24/5/2004	Tự do	Thượng Tự, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Lê Viết Hải Nguyễn Thị Giang	L2: H.áp	
57	Nguyễn Văn Cường 24/8/2005	Tự do	Thượng Tự, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Nguyễn Văn Trinh Tống Thị Hương	L2: Mắt, răng, H.áp, thể lực	
58	Cao Xuân Ngọc 14/10/2003	Tự do	Thượng Tự, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Cao Xuân Tùng Đỗ Thị Lan	L2: H.áp	
59	Dương Phương Nam 26/3/2004	Tự do	Nam Tiến, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Dương Văn Lương Nguyễn Thị Hiên	L2: H.áp	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
60	Trần Văn Đức 31/3/2005	Tự do	Vĩnh An, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Trần Văn Đông Nguyễn Thị Bạn	L3: Thể lực	
61	Trần Văn Dũng 11/10/2005	Tự do	Vĩnh An, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Trần Văn Hùng Phạm Thị Phượng	L3: Thể lực	
62	Nguyễn Thành Đạt 29/10/2003	Tự do	Nam Tiến, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Nguyễn Văn Đức 1978 Cao Thị Chung 1980	L3: TMH	
63	Nguyễn Phú Hoàn 12/10/2000	Tự do	Khu 34, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Nguyễn Hồng Sơn Nguyễn Thị Chính	L2: Răng, mạch, H.áp	
64	Nguyễn Văn Hoàng 25/8/2003	Tự do	Phú Giã, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Nguyễn Văn Phượng Hoàng Thị Tới	L2: Mắt, mạch, H.áp	
65	Trần Khánh Dư 08/01/2004	Tự do	Đồng Bùi, Song Mai	Kinh Không	12/12 Đoàn Viên	Trần Văn Toản Nguyễn Thị Mơ	L2:	
VIII	**Xã Tân Mỹ (16)**							
66	Hoàng Quốc Cường 20/6/2002	LĐTD	Thôn Miễu, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Hoàng Văn Độ 1974 Lê Thị Lê 1966	L2: Mạch, răng	
67	Lường Văn Hùng 06/8/2001	LĐTD	Thôn Miễu, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Lường Văn Luân 1977 Hoàng Thị Quý 1983	L3: Da liễu	
68	Đỗ Duy Mạnh 08/10/2005	LĐTD	thôn Lò, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12Đoàn viên	Đỗ Văn Cường 1974 Thân Thị Tâm 1970	L2: Thể lực	
69	Lương Đức Thịnh 03/11/2001	LĐTD	Mỹ Cầu, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Lương Văn Hưng 1967 Nguyễn Thị Ngân 1970	L2: Thể lực, H.áp	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
70	Nguyễn Văn Đạt 09/01/2002	LĐTD	Mỹ Cầu, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Thành 1979 Ngô Bích Lượng 1982	L2: Thể lực	
71	Hoàng Ngọc Khánh 22/11/2002	LĐTD	Mỹ Cầu, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Hoàng Văn Hiển 1969 Nguyễn Thị Hà 1972	L2: MT cận 0,5D	
72	Cao Bảo Anh 16/9/2004	LĐTD	Mỹ Cầu, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Cao Xuân Tú 1982 Đồng Thị Phượng 1981	L2: Thể lực	
73	Triệu Văn Hưởng 04/8/2005	LĐTD	thôn Phố, Tân Mỹ	Nùng Không	9/12 Đoàn viên	Triệu Văn Bào 1978 Nguyễn Thị Hợp 1975	L2: Mạch, H.áp	
74	Hoàng Việt Tùng 23/12/2002	LĐTD	Tân Phượng, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Hoàng Văn Chỉnh 1979 Đỗ Thị Thủy 1981	L2: Cận 0,5D, H.áp	
75	Nguyễn Đức Trung 03/7/2004	LĐTD	Tân Phượng, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Nam(chết) Hoàng Thị Ngân 1975	L2: H.áp	
76	Hoàng Quốc Huy 28/9/2005	LĐTD	thôn Ba, Tân Mỹ	Kinh Không	9/12Đoàn viên	Hoàng Văn Chí 1973 Nguyễn Thị Tích 1979	L2: Thể lực, H.áp	
77	Phạm Minh Quân 16/10/2002	LĐTD	thôn Tự, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Phạm Trọng Khương 1979 Nguyễn Thị Chinh 1983	L2: Cận 1,25D	
78	Hoàng Văn Khoa 20/01/2005	LĐTD	thôn Tự, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Hoàng Thế Khôi 1986 Lê Thị Thắm 1984	L2: Thể lực	
79	Trịnh Văn Hậu 05/5/2004	LĐTD	thôn Lực, Tân Mỹ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Trịnh Văn Toản 1966 Dương Thị Toán 1968	L1	
80	Đỗ Văn Phượng 13/02/2005	LĐTD	thôn Giếng, Tân Mỹ	Kinh Không	9/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Phương 1973 Trần Thị Tuyết 1970	L2: Mạch, Thể lực	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
81	Đào Ngọc Khánh 25/10/2005	LĐTD	Đông Lý, Tân Mỹ	Kinh Không	9/12 Đoàn viên	Đào Văn Thuận 1977 Trần Thị Huyền 1987	L2: Thể lực, H.áp	
IX	**P. Hoàng Văn Thụ (05)**							
82	Giáp Duy Đức 13/9/2001	LĐTD	SN 317/Cả Trọng, Tổ VÜnh Ninh 2	N.dân K,K	12/12 §oµn viên	Giáp Văn Dũng 1967 Nguyễn T Thanh Thủy 1968	L2: H.áp	
83	Phạm Quốc Đạt 01/4/2001	LĐTD	SN 57, Lê Lý 4, Tổ Vĩnh Ninh 3	N.dân K,K	12/12 §oµn viên	Phạm Văn Cường 1974 Vũ Thị Phương 1975	L2: Mắt cận 1D, răng	
84	Nguyễn Thái Hoạt 19/9/2003	LĐTD	-SN 123-Huyền Quang -Tổ Hùng Vương	N.dân K,K	12/12 §oµn viên	Nguyễn Mạnh Thắng 1973 Nguyễn Thị Loan 1982	L2: Răng	
85	Phạm Tuấn Anh 11/01/2002	LĐTD	SN 174/Huyền Quang Tổ Tiền Tiến	N.dân K,K	12/12 §oµn viên	Phạm Minh Tuấn 1974 Trần T Thanh Bình 1982	L2: Thể lực, cận 0,75D	
X	**Phường Ngô Quyền (05)**							
86	Nguyễn Tiến Đạt 23/3/2000	LĐTD	Số 201 Nguyễn Thị Lưu, Tổ 2	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Quang Thái 1977 Nguyễn Thị Vinh 1978	L2: Mạch	
87	Đinh Khắc Hải 02/10/2000	LĐTD	Ngách 13/338, Tổ 7	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đinh Khắc Hiền 1969	L2: H.áp, cận 0,75D	
88	Nguyễn Tuấn Hưng 09/8/2000	KD	Số 80 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 8	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Anh Tuấn 1975 Ngô Phương Thảo 1979	L1	
89	Đinh Khắc Tùng 03/5/2002	LĐTD	Số 5 Ngõ 24 Đào Sư Tích, Tổ 9	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đinh Khắc Đức 1962 Nguyễn Thị Hằng 1963	L3: Thể lực, mạch, TMH	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
90	Nguyễn Tiên Quyết 30/5/2005	LĐTD	Số 326 Xương Giang, Tổ 6	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Ánh Dương 1975 Nguyễn Thị Thủy 1980	L2: cận 1,25D	
XI	**Xã Dĩnh Trì (11)**							
91	Ng. Đình Minh Tuấn 01/8/2005	LĐTD	Bãi Ổi, Dĩnh Trì	Kinh không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Đình Thật 1972 Phan Thị Ngỗi 1973	L3: Thể lực (vòng ngực)	
92	Nguyễn Văn Cường 06/7/2003	LĐTD	Đồi Nên, Dĩnh Trì	Kinh không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Đảm 1973 Nguyễn Thị Tuyền 1979	L2: Răng	
93	Nguyễn Văn Hải 05/5/2001	LĐTD	Núm, Dĩnh Trì	Nông dân	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Nam Nguyễn Thị Huế	L2: Thể lực, mắt, H áp	
94	Thân Văn Quỳnh 03/9/2002	LĐTD	Núm, Dĩnh Trì	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Thân Văn Quý 1962 Nguyễn Thị Chính 1968	L3: Thể lực	
95	Nguyễn Văn Hưng 12/9/2005	LĐTD	Thuyền, Dĩnh Trì	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Chuyên (Chết) Nguyễn Thị Mậu 1969	L3: Thể lực, cận 1D	
96	Nguyễn Văn Chiến 26/5/2001	LĐTD	Cầu, Dĩnh Trì	Kinh Không	9/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Sự 1976 Giáp Thị Lập 1978	L3: Nội khoa	
97	Vũ Văn Hiếu 11/5/2002	LĐTD	Cầu, Dĩnh Trì	Kinh Không	9/12 Đoàn viên	Vũ Văn Ninh 1974 Lê Thị Nhan 1976	L2: Răng, H.áp	
98	Nguyễn Văn Quang 15/8/2005	LĐTD	Cầu, Dĩnh Trì	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Phác 1983 Nguyễn Thị Nga 1982	L2: Thể lực, H.áp	
99	Nguyễn Hoàng Anh 21/10/2005	LĐTD	Cầu, Dĩnh Trì	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Đồng 1983 Hoàng Thị Hạt 1988	L2: Thể lực, Răng	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
100	Giáp Minh Tuấn 26/11/2002	LĐTD	Thành Trung, Dĩnh Trì	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Giáp Văn Hải 1980 Trần Thị Thường 1982	L2: Cận 0,75D	
101	Nguyễn Đình Phiêu 21/5/2005	LĐTD	Bãi Ổi, Dĩnh Trì	Kinh không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Đình Phượng 1981 Nguyễn Thị Thanh Tâm 1982	L2:	
XII	**Xã Tân Tiến (15)**							
102	Tăng Văn Hiếu 08/10/2005	LĐTD	Thanh Cảm, Tân Tiến	Kinh Không	9/12 Đoàn viên	Tăng Văn Trung 1982 Hoàng Thị Minh 1986	L3: Thể lực	
103	Dương Ngọc Văn 18/01/2003	LĐTD	Văn Sơn, Tân Tiến	Kinh Không	9/12 Đoàn viên	Dương Văn Phong 1977 Dương Thị Nhan 1979	L2: Thể lực, răng, H. áp	
104	Đỗ Mạnh Chí 13/11/2005	LĐTD	An Bình, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Bẩy 1973 Đỗ Thị Hồi 1976	L2: Thể lực, răng	
105	Nguyễn Quang Huy 07/11/2002	LĐTD	Thôn Xuân, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Trung Kiên 1982 Ngô Thị Đương 1982	L3: Thể lực (vòng ngực)	
106	Nguyễn Minh Thái 10/5/2005	LĐTD	Thôn Ngò, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Anh Văn 1983 Dương Thị Huyến 1984	L2: H.áp	
107	Nguyễn Đức Mạnh 04/7/2005	LĐTD	Thôn Ngò, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Mười 1970 Đỗ Thị Thảo 1974	L3: Thể lực	
108	Nguyễn Đức Hiếu 12/9/2005	LĐTD	Thôn Ngò, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Hải 1979 Đỗ Thị Mỹ 1981	L3: Cận 0,75D	
109	Đỗ Đức Vũ 20/10/2005	LĐTD	Thôn Trước, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Đức Ngọc 1980 Trần Thị Ngà 1984	L2: cận 0,75D, răng, TMH	
110	Đỗ Văn Thịnh 28/7/2005	LĐTD	Thôn Trước, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Tí 1977 Hoàng Thị Tân 1982	L2: TMH, răng	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
111	Đỗ Văn Thắng 15/11/2002	LĐTD	Thôn Trước, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Thảo 1967 Nguyễn Thị Ngọc 1972	L2: TMH, ngoại	
112	Nguyễn Hoàng Long 26/10/2000	LĐTD	Văn Giàng, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Thưởng 1976	L2: Mắt, TMH, H.áp	
113	Dương Văn Trường 08/11/2005	LĐTD	Văn Sơn, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Dương Văn Sơn 1986 Ngô Thị Lương 1987	L2: Cận 1D, răng, mạch	
114	Phan Văn Cường 26/02/2005	LĐTD	Văn Sơn, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Phan Văn Thạo 1975 Dương Thị Thư 1976	L3: H.áp	
115	Dương Văn Nguyên 17/8/2005	LĐTD	Văn Sơn, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Dương Văn Công 1975 Đỗ Thị Hiền 1984	L3: Thể lực	
116	Nguyễn Minh Vũ 11/6/2002	LĐTD	Ngò, Tân Tiến	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Minh 1975 Lã Thị Nghĩa 1979	L3:	
XIII	**Phường Lê Lợi (09)**							
117	Giáp Hoàng Anh 03/7/2002	LĐTD	TDP Châu Xuyên	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Giáp Tứ Thành 1977 Đặng Tú Long 1976	L3: Mạch	
118	Nguyễn Tuấn Hải 19/2/2005	LĐTD	TDP Nghĩa Long	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Mạnh Hùng 1974 Đặng Khánh Vân 1977	L3: TMH, cận 1,25D	
119	Nguyễn Văn Lượng 14/10/2000	LĐTD	TDP Nghĩa Long	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Lực 1963 Nguyễn Thị Bình 1973	L1	XP
120	Nguyễn Vũ Hoàng Nam 09/09/2005	LĐTD	TDP Tiền Môn 2	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Minh Tiến Vũ Thị Quỳnh Yên 1978	L1	XP
121	Trần Quang Huy 27/9/2005	LĐTD	TDP Dân Chủ	Kinh Không	10/12 Đoàn viên	Trần Quốc Hạnh 1969 Nguyễn Th Thanh Hoàn 1977	L2: Răng, H.áp	XP

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
122	Phạm Quốc Đạt 25/12/2002	LĐTD	TDP Dân Chủ	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Phạm Văn Thành Nguyễn Thị Loan	L2: H.áp	XP
123	Đoàn Xuân Trung 05/05/2003	LĐTD	TDP Tiền Giang	Kinh Không	10/12 Đoàn viên	Đoàn Xuân Hoa 1978 Nguyễn Thị Tâm 1980	L2: H.áp	XP
124	Đàm Nhật Anh 22/8/2000	LĐTD	Châu Xuyên, Lê Lợi	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đàm Ngọc Linh 1974 Lê Thị Kim Lan 1975	L2:	Dự bị Công an
XIV	**Phường Dĩnh Kế (15)**							
125	Dương Văn Tài 25/7/2004	LĐTD	TDP Giáp Sau	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Dương Văn Tĩnh 1964 Hà Thị Tám 1968	L2: Thể lực, ngoại	
126	Nguyễn Việt Anh 12/12/2005	LĐTD	TDP Giáp Sau	Kinh Không	9/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Thắng 1981 Dương Thị Ngọc 1984	L3: Thể lực, TMH	
127	Nguyễn Trung Kiên 05/01/2006	LĐTD	TDP Kế	Kinh Không	11/12 Đoàn viên	Nguyễn Xuân Hà 1985 Nguyễn Thị Phương 1986	L2: Cận 0,75D	
128	Nguyễn Anh Minh 13/11/2002	LĐTD	TDP Kế	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Đức 1978 Hà Thị Thuyết 1980	L3: Thể lực	
129	Nguyễn Quang Minh 28/11/2005	LĐTD	TDP Giáp Hải	Kinh Không	10/12 Đoàn viên	Nguyễn Hữu Tùng 1979 Nguyễn Thị Uyên 1983	L2: Mắt, răng	
130	Nguyễn Bình Định 14/12/2005	LĐTD	TDP Giáp Hải	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Đoàn 1974 Hoàng Thị Biển 1972	L3: Thể lực	
131	Phạm Đăng Quang 08/01/2005	LĐTD	TDP Giáp Hải	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Phạm Văn Thắng 1982 Nguyễn Thị Hằng 1986	L3: Thể lực	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
132	Nguyễn Trung Đức 23/09/2005	LĐTD	TDP Phú Mỹ 1	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Trung (Chết) Nông Thị Quyên	L2: H.áp	
133	Nguyễn Văn Đạt 26/07/2001	LĐTD	TDP Phú Mỹ 2	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Nam 1975 Phan Thị Hưng 1975	L2: Thể lực, mạch, cận 1D	
134	Đỗ Văn Linh 05/08/2003	LĐTD	TDP Thanh Lương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Xuân 1979 Nguyễn Thị Bích 1983	L3: Thể lực	
135	Nguyễn Văn Hải 28/03/2005	LĐTD	TDP Thanh Lương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Văn Chiều 1961 Đỗ Thị Nhàn 1970	L3: H.áp	
136	Đỗ Xuân Thành 20/01/2005	LĐTD	TDP Thanh Lương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Tiến 1974 Trần Thị Xuyết 1974	L2: H.áp, TMH	
137	Ngô Hoàng Quý 03/05/2005	LĐTD	Thanh Lương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Ngô Văn Quyền 1978 Nguyễn Thị Ngà 1987	L2: H.áp	
138	Đỗ Văn Tuấn 08/11/2005	LĐTD	TDP Thanh Lương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Đoàn 1976 Nguyễn Thị Hương 1983	L2: Mắt, răng, H.áp	
139	Ngô Hoàng Tám 31/10/2005	LĐTD	TDP Thanh Lương	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Ngô Văn Toàn 1982 Đỗ Thị Sinh 1984	L2: Thể lực, H.áp	
XV	**P.Trần Nguyên Hãn (05)**							
140	Phan Trung Dũng 03/12/2005	LĐTD	SN 13 ngõ 239, NCH, 1B, TNH	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Phan Đinh Hưng (Chết) Nguyễn Thị Huyền	L1	
141	Phan Đình Dũng 28/4/2001	LĐTD	Sn122, Nguyễn Doãn Địch, tổ 2A	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Phan Đình Hải Nguyễn Thị Thảo	L1	
142	Vũ Xuân Cường 05/01/2005	LĐTD	07, TĐT, tổ 2B, TNH	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Vũ Xuân Sinh Trần Thị Tú	L3: TMH, MT cận 1,25D	

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên thường dùng; - Họ chữ đệm và tên khai sinh. - Ngày tháng năm sinh - Số CMND, thẻ căn cước, Số ĐD	- Nghề nghiệp; - Nơi làm việc; - Nhóm, ngạch, - Bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân; - Nơi làm việc (nếu có)	- TP gia đình; - TP bản thân; - Dân tộc; - Tôn giáo.	- Học vấn, CMKT; - Ngoại ngữ; - Đảng, đoàn.	- Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp; - Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	- Kết quả khám - Sức khỏe	Ghi chú
143	Thân Hải Long 21/5/2000	LĐTD	46B, CKV, Tổ 5	Kinh Không	Đại học Đoàn viên	Thân Ngọc Hải Dương Thị Ngọc Điệp	L2: 2M cận 1,25D	Dự bị Công an
144	Lý Trường Giang 10/8/2001	LĐTD	SN14, Hoàng Công Phụ, Tổ 9	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Lý Trần Thắng Nguyễn Thị Thuận	L2: Răng, mạch, H.áp	
XVI	**Phường Trần Phú (04)**							
145	Đỗ Bình Văn 04/11/2003	KD	SN 61, Đường Nhật Đức, Chi Ly 1	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Đỗ Văn Sơn Hoàng Thị Lý	L2: Răng	
146	Giáp Anh Tài 13/6/2000	KD	Ngõ 18 Lý Thái Tổ Tân Ninh	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Giáp Văn Tiền Dương Thị Vân Anh	L3: Thể lực	
147	Lê Văn Thành 22/10/2004	LĐTD	SN 211 bến phà, Chi ly 1	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Lê Văn Doanh Đỗ Thị Hòa	L3: Thể lực	
148	Nguyễn Minh Thành 08/11/2003	C. nhân	126, ngõ 112, đường Tân Ninh, tổ Tân Ninh	Kinh Không	12/12 Đoàn viên	Nguyễn Tiến Đào Nguyễn Thị Cúc	L3: Thể lực	XP
Σ	**= 148**							